TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2025
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Phi Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Căn cước công dân số: 080181017794

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Chứng minh nhân dân số 301080857.

(Bà Y, ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Phi Y trình bày tóm tắt như sau:

Bà với ông Võ Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Long An vào ngày 23 tháng 10 năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vì nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà Yxét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Y và ông T có 02 con chung là Võ Yến T1, sinh ngày 20/7/2000 (đã trưởng thành) và Võ Thị Yến V, sinh ngày 14/12/2008. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Yến V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Phi Y xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị Phi Y xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25/7/2025 bị đơn ông Võ Văn T có ý kiến trình bày:

Bà Ngô Thị Phi Y yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông T xác định quá trình chung sống ông T và bà Ycó 02 con chung là Võ Yến T1, sinh ngày 20/7/2000 (đã trưởng thành) và Võ Thị Yến V, sinh ngày 14/12/2008. Ông đồng ý giao con chung Võ Thị Yến V cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con vì bà Y không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông T xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2025 của cháu Võ Thị Yến V có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được sống với mẹ.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Phi Y và ông Võ Văn T bận việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị Phi Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu

vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: bà Ngô Thị Phi Y và ông Võ Văn T bận việc và có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Phi Y và ông Võ Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Phi Y và ông Võ Văn T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Phi Y đối với ông Võ Văn T, thấy rằng: Bà Y trình bày cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vì nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Y. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Yvà ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Phi Y.

[2.3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Y và ông T xác định có 02 con chung là Võ Yến T1, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Võ Thị Yến V, sinh ngày 14/12/2008. Xét thấy, cháu Võ Yến T1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, đối với cháu Võ Thị Yến V hiện do bà Y đang nuôi dưỡng và cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với bà Y, ông T cũng đồng ý giao cháu V cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Vy cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà Y và ông T ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Bà Y và ông T xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Bà Y và ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Ngô Thị Phi Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Phi Y về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Võ Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Phi Y được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về quyền nuôi con chung: Bà Ngô Thị Phi Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Yến V, sinh ngày 14/12/2008.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Y và ông T xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Y và ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Ngô Thị Phi Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000239 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang để thi hành. Bà Ngô Thị Phi Y đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm